

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 25- 4 - 2024  
“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban, ông Lê Khắc Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:**  
Bà Giản Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T. sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2024, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T và bà Vũ Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không hoà thuận được về cách sống cũng như công việc, không còn

tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Nay thấy tình cảm giữa hai bên dành cho nhau không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông bà có 02 con chung Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/7/1997 và Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 07/4/1995, hiện nay con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H đã tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 04/4/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Vũ Thị H trình bày:*

Bà H đồng ý với ý kiến trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn của ông bà. Bà H hiện nay không còn tình cảm với ông T, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên bà H đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho bà H và ông T.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/7/1997 và Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 07/4/1995, nay các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T tự thoả thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Các đương sự đều chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng cho ông T và bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng cho ông T và bà Vũ Thị H. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS, đây là tranh chấp về “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Bị đơn

hiện đang cư trú tại huyện Ea Kar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông bà là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Ông bà chung sống với nhau hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không hoà thuận về mọi mặt và thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến ông bà sống đã không còn sống chung từ tháng 5/2023 đến nay. Xét yêu cầu của ông T đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai con chung Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/7/1997 và Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 07/4/1995 đã thành niên nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T tự thoả thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

- Quan hệ về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/7/1997 và Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 07/4/1995 đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H đã tự thoả thuận với nhau nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0000262 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- T.H.A dân sự huyện EaKar;
- UBND xã Ea Sar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Cường Anh**